

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **43** /2021/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **10** tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức
trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2021; thay thế Quyết định số 66/2013/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về quản lý biên chế công chức, quản lý vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /#

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND; UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ (3b);
- Như Điều 3 QĐ;
- Báo Lào Cai;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

Fax

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về vị trí việc làm và biên chế công chức
trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai
(Kèm theo Quyết định số : *43* /2021/QĐ-UBND ngày *10* tháng *8* năm 2021
của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định nguyên tắc, các nội dung quản lý về vị trí việc làm và biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong quản lý vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế công chức.
2. Các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai, bao gồm:
 - a) Các cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai;
 - b) Các sở, ban, ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai;
 - c) Các chi cục và tổ chức tương đương trực thuộc sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai;
 - d) Các tổ chức hành chính thuộc các sở, ban, ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai;
 - đ) Các tổ chức hành chính thuộc chi cục và tổ chức tương đương thuộc sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai;
 - e) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý vị trí việc làm và biên chế công chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức (sau đây gọi chung là Nghị định số 62/2020/NĐ-CP).

Điều 3. Nội dung quản lý vị trí việc làm và biên chế công chức

1. Xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện quy định về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính.
2. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức.

3. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch biên chế công chức; điều chỉnh biên chế công chức.

4. Giao, quản lý, sử dụng chỉ tiêu biên chế công chức.

5. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về việc quản lý vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế công chức theo quy định của pháp luật.

6. Tổng hợp, thống kê, thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

Chương II

XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

Điều 4. Xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức

1. Các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của quy định này có trách nhiệm xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền gửi về cơ quan được giao trách nhiệm thẩm định quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.

2. Căn cứ xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức.

a) Căn cứ xác định vị trí việc làm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương;

b) Căn cứ xác định cơ cấu ngạch công chức thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

3. Phân loại vị trí việc làm thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

4. Nội dung đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 8 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

Điều 5. Hồ sơ trình và thời gian thẩm định đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức

1. Hồ sơ trình đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức: Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

2. Thời gian thẩm định đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức: Theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

Điều 6. Cơ quan thẩm định, nội dung thẩm định đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức

1. Cơ quan thẩm định:

Sở Nội vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đối với các cơ quan, tổ chức hành chính tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy định này trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

2. Nội dung thẩm định: Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy định này và thực hiện phân cấp theo quy định.

Điều 8. Điều chỉnh đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức

1. Các cơ quan, tổ chức hành chính thực hiện điều chỉnh đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy;
- b) Thay đổi về mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành;
- c) Cơ quan, tổ chức hành chính được tổ chức lại theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Việc điều chỉnh Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức được thực hiện như xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 quy định này.

Chương III QUẢN LÝ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC

Điều 9. Xây dựng kế hoạch biên chế công chức

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP; căn cứ vào hướng dẫn của các bộ, ngành về định mức biên chế công chức: Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Các sở, ban, ngành và tương đương; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch biên chế công chức hằng năm gửi Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp, lập kế hoạch biên chế công chức hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ thẩm định.

2. Nội dung kế hoạch biên chế công chức hằng năm

- a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết;
- b) Báo cáo đánh giá việc quản lý, sử dụng biên chế công chức của năm trước liền kề với năm xây dựng kế hoạch biên chế công chức;
- c) Xác định số lượng biên chế công chức cần thiết gắn với đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, định mức biên chế công chức theo hướng dẫn của

cấp có thẩm quyền đồng thời gắn với thực hiện chính sách tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức. Tổng hợp kế hoạch biên chế công chức hằng năm theo Biểu số 01 kèm theo Quy định này;

d) Giải pháp thực hiện kế hoạch biên chế công chức sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự kiến nguồn công chức bổ sung, thay thế, thực hiện chính sách tinh giản biên chế và dự toán kinh phí để thực hiện;

đ) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

Điều 10. Hồ sơ, thời hạn gửi kế hoạch biên chế công chức hằng năm

1. Hồ sơ kế hoạch biên chế

a) Tờ trình kèm theo Kế hoạch biên chế công chức theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy định này;

b) Các tài liệu kiểm chứng trong các trường hợp đề nghị giao bổ sung chỉ tiêu biên chế công chức.

2. Thời hạn gửi kế hoạch biên chế

a) Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi hồ sơ kế hoạch biên chế về Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định trước ngày 15 tháng 5 hằng năm;

b) Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp, lập kế hoạch biên chế công chức hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ thẩm định xong trước ngày 10 tháng 6 hằng năm;

c) Đến thời hạn theo quy định, các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không gửi kế hoạch về Sở Nội vụ thì Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biên chế công chức của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đó với tỷ lệ tinh giản biên chế cao hơn 1% so với tỷ lệ tinh giản biên chế theo lộ trình hằng năm được cấp có thẩm quyền quy định.

Điều 11. Giao chỉ tiêu biên chế công chức

1. Căn cứ vào số giao biên chế công chức của Chính phủ và Nghị quyết phê chuẩn của Hội đồng nhân dân tỉnh về biên chế công chức, Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu biên chế công chức hằng năm cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định giao chỉ tiêu biên chế công chức cho các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc quyền quản lý trong tổng số biên chế công chức được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai giao đồng thời gửi Quyết định giao chỉ tiêu biên chế về Sở Nội vụ để tổng hợp, theo dõi.

Điều 12. Điều chỉnh biên chế công chức

1. Việc điều chỉnh biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính được xem xét trong các trường hợp sau:

a) Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện;

c) Cơ quan có thẩm quyền kết luận việc quản lý, sử dụng biên chế công chức không đúng theo quy định.

2. Hồ sơ, trình tự điều chỉnh biên chế công chức

a) Hồ sơ điều chỉnh biên chế công chức: Tờ trình kèm theo Đề án điều chỉnh biên chế công chức và các tài liệu kèm theo có liên quan đến điều chỉnh biên chế công chức;

b) Đối với đề nghị bổ sung biên chế công chức thì các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi hồ sơ đề nghị điều chỉnh biên chế công chức theo quy định tại điểm a khoản này về Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Đối với điều chuyển biên chế công chức giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thì cơ quan, tổ chức tiếp nhận biên chế công chức chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức điều chuyển biên chế công chức xây dựng hồ sơ đề nghị điều chỉnh biên chế công chức theo quy định tại điểm a khoản này gửi về Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

d) Đối với điều chuyển biên chế công chức từ các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về các cơ quan, tổ chức không thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh thì các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi hồ sơ đề nghị điều chỉnh biên chế công chức theo quy định tại điểm a khoản này về Sở Nội vụ thẩm định, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, quyết định điều chuyển biên chế công chức;

đ) Đối với việc điều chỉnh nội bộ biên chế công chức giữa các đơn vị thuộc, trực thuộc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thì các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tự quyết định đồng thời gửi Quyết định điều chỉnh biên chế công chức về Sở Nội vụ để tổng hợp, theo dõi.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC VÀ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC

Điều 13. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Tham mưu cho UBND tỉnh:

a) Ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc quản lý, sử dụng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; quản lý, sử dụng biên chế công chức;

b) Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức hoặc điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền;

c) Tổng hợp và lập Kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức hằng năm gửi Bộ Nội vụ theo quy định;

d) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế công chức đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tổng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao và tổ chức thực hiện sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;

đ) Tổng hợp cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện gửi Bộ Nội vụ;

e) Tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm, biên chế công chức theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

g) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Hướng dẫn việc chấp hành các quy định của pháp luật về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, quản lý và sử dụng biên chế công chức.

3. Thẩm định đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Thẩm định, tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện thủ tục, hồ sơ về kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức hằng năm gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

5. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các quy trình giao biên chế công chức đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm, quyền hạn của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức

a) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

b) Tổng hợp, xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức chung của cơ quan, đơn vị mình và các thủ tục, hồ sơ kèm theo gửi Sở Nội vụ thẩm định;

c) Thực hiện việc quản lý, sử dụng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

đ) Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của năm trước liền kề. Định kỳ hằng năm chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo theo mẫu Biểu số 2A và 2B kèm theo Quy định này về Sở Nội vụ tổng hợp.

2. Về biên chế công chức

a) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc quyền quản lý xây dựng kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc kế hoạch điều chỉnh biên chế công chức theo quy định;

b) Tổng hợp, xây dựng kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc kế hoạch điều chỉnh biên chế công chức chung của cơ quan, đơn vị mình và các thủ tục, hồ sơ kèm theo gửi Sở Nội vụ thẩm định;

c) Quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức cho các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc quyền quản lý trong tổng chỉ tiêu biên chế công chức được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai giao và gửi Quyết định về Sở Nội vụ tổng hợp, theo dõi;

d) Đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh biên chế công chức theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 12 của Quy định này;

đ) Quyết định điều chỉnh biên chế công chức giữa các cơ quan, tổ chức hành chính theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 12 của Quy định này;

e) Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo kết quả sử dụng biên chế công chức. Định kỳ hằng năm chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo theo mẫu Biểu số 03 kèm theo Quy định này về Sở Nội vụ tổng hợp.

Điều 15. Xử lý trách nhiệm

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện không đúng quy định tại Quy định này thì bị xem xét đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành nhiệm vụ hằng năm và xử lý trách nhiệm theo quy định của Đảng và của pháp luật.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các cơ quan, tổ chức hành chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trước khi quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã phê duyệt.

2. Việc điều chỉnh đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện quy định này nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng tổ chức	Biên chế giao năm			Biên chế có mặt đến 31/3/.....			Kế hoạch biên chế			Tăng, giảm giữa kế hoạch biên chế năm với biên chế được giao năm		
			Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng NĐ 68 và NĐ 161	Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng NĐ 68 và NĐ 161	Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng NĐ 68 và NĐ 161	Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng NĐ 68 và NĐ 161
...	...													
...	...													

Người tổng hợp

....., ngày tháng..... Năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 (Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ



BIỂU SỐ 2A

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM TÍNH ĐẾN 31 THÁNG 12 NĂM

(Kèm theo Quyết định số **43** /2021/QĐ-UBND ngày **10** tháng **8** năm 2021 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng vị trí việc làm					
		Tổng số	Trong đó				
			Vị trí lãnh đạo, quản lý	Vị trí nghiệp vụ chuyên ngành	Vị trí chuyên môn dùng chung	Vị trí hỗ trợ, phục vụ	Vị trí HĐLĐ theo ND 68 và ND161
A	KHỐI TỈNH						
I	Văn phòng Sở, Ban						
1	Lãnh đạo						
2	Phòng 1						
3	Phòng 2						
4	Phòng 3						
5	Phòng.....						
...						
II	Chi cục, đơn vị trực thuộc						
1	Lãnh đạo Chi cục, đơn vị trực thuộc						
2	Phòng 1						
3	Phòng 2						
...	Phòng ...						
B	CẤP HUYỆN						
1	Thường trực HĐND						
2	Lãnh đạo các Ban HĐND						
3	Thường trực UBND						

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng vị trí việc làm					
		Tổng số	Trong đó				
			Vị trí lãnh đạo, quản lý	Vị trí nghiệp vụ chuyên ngành	Vị trí chuyên môn dùng chung	Vị trí hỗ trợ, phục vụ	Vị trí HĐLĐ theo ND 68 và ND161
4	Văn phòng HĐND và UBND huyện						
...	...						
...	...						

Người tổng hợp

....., ngày tháng..... Năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 (Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ



BIỂU SỐ 2B

TỔNG HỢP CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC TÍNH ĐẾN 31 THÁNG 12 NĂM

(Kèm theo Quyết định số **43** /2021/QĐ-UBND ngày **10** tháng **8** năm 2021 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Cơ cấu ngạch công chức					
		Tổng số (số người)	Trong đó				
			Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên
A	KHỐI TỈNH						
I	Văn phòng Sở, Ban						
1	Lãnh đạo						
2	Phòng 1						
3	Phòng 2						
4	Phòng 3						
5	Phòng.....						
...						
II	Chi cục, đơn vị trực thuộc						
1	Lãnh đạo Chi cục, đơn vị trực thuộc						
2	Phòng 1						
3	Phòng 2						
...	Phòng ...						
B	CẤP HUYỆN						

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Cơ cấu ngạch công chức				
		Tổng số (số người)	Trong đó			
			Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự và tương đương
1	Thường trực HĐND					
2	Lãnh đạo các Ban HĐND					
3	Thường trực UBND					
4	Văn phòng HĐND và UBND huyện					
...	...					
...	...					

Người tổng hợp

....., ngày tháng..... Năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 (Ký tên, đóng dấu)

ST T	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng tổ chức	Biên chế giao năm.....			Biên chế có mặt đến 31/12/....			Biên chế chưa thực hiện năm		
			Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng NĐ 68 và NĐ 161	Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng NĐ 68 và NĐ 161	Tổng số	Biên chế công chức	Hợp đồng NĐ 68 và NĐ 161
1	Thường trực HĐND										
2	Lãnh đạo các Ban HĐND										
3	Thường trực UBND										
4	Văn phòng HĐND và UBND huyện										
...	...										
...	...										

Người tổng hợp

....., ngày tháng..... Năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 (Ký tên, đóng dấu)